TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2021/QĐST-DS	*Mỏ Cày Nam, ngày 10 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp AP, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Bà Võ Thị Minh T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp PL, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp AP, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn MB, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay là 952.720.000 đồng (Chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: Tiền vay gốc là 800.000.000 đồng (Tám

trăm triệu đồng), tiền lãi là 152.720.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng); 03 (ba) lượng vàng, loại vàng: SJC. Thời gian trả tiền và vàng kể từ khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.433.525 đồng (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) nhưng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Văn L thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.433.525 đồng (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân